

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **252/2023/DS-ST**

Ngày: 22 -9 -2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 133/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2023/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số H, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện G, Tiền Giang (Quyết định ủy quyền số 2646/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Kim T, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch thị trấn V (Giấy ủy quyền ngày 05/9/2023), có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Hồng T, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Kim T trình bày: Ngân hàng N chi nhánh huyện G, Tiền Giang - Phòng Giao dịch thị trấn V có cho ông Trần Hồng T vay số tiền 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng tại Hợp đồng tín dụng số 6909-LAV-202106213 ngày 29/12/2021, hạn trả cuối cùng là ngày 25/12/2031, mục đích vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất diện tích 388m² đất sản xuất kinh doanh và trồng cây hàng năm khác, thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13, tại thị trấn V, huyện G, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01676 ngày 25/11/2013 cấp cho hộ ông Trần Hồng T. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310931659 ký ngày 05/11/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay đến nay ông T không trả tiền lãi nào. Phòng Giao dịch Vàm Láng đã nhiều lần liên hệ làm việc với ông T để xử lý nợ nhưng ông T không hợp tác. Tính đến ngày xét xử ông T nợ vốn vay 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 33.925.808 đồng, lãi quá hạn 1.085.151 đồng, lãi chậm trả 2.162.596 đồng, tổng cộng 197.173.555 đồng. Ngân hàng N yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 197.173.555 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng vay cho đến khi ông T trả hết nợ. Trường hợp ông T không Thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất nêu trên.

* Quá trình tố tụng và xét xử bị đơn ông Trần Hồng T vắng mặt, không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ Điều 299, 317, 318, 321, 323, 327, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Trần Hồng T có nghĩa vụ trả Ngân hàng N số tiền vốn và lãi đến ngày 22/9/2023 là 160.000.000 đồng vốn và 37.173.555 đồng lãi. Trường hợp ông T không T toán nợ theo hợp đồng nêu trên thì Ngân Hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Hồng T đã được triệu tập phiên tòa lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Th.

Quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu ông T trả số tiền vay. Chứng cứ Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 6909-LAV-202106213 ngày 29/12/2021, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310931659 ngày 05/11/2021, thể hiện nội dung thỏa thuận xác lập quan hệ vay tài sản theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Th, nhưng ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản ghi ý kiến của ông T về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không đưa ra chứng cứ trả tiền, không phản đối số tiền vay và lãi còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận ông Trần Hồng T có Ngân hàng N, Chi nhánh huyện GCD - Phòng Giao dịch thị trấn V số tiền vay và lãi tính đến ngày xét xử (22/9/2023) tổng cộng 197.173.555 đồng. Nên theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, ông T phải có nghĩa vụ trả tiền. Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số tiền khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Bởi lẽ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T thanh toán xong, phù hợp Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

[2] Trong hợp đồng vay, ông T có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 310931659 ngày 05/11/2021 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định Điều 317 Bộ luật dân sự. Xét nội dung, hình thức Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất phù hợp pháp luật, hợp đồng có hiệu lực từ khi các bên ký kết hợp đồng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01676 ngày 25/11/2013 cấp cho hộ ông Trần Hồng T. Văn bản xác nhận tàng thư hộ khẩu của Công an thị trấn V ngày 13/7/2023 xác nhận thời điểm ngày 25/11/2013 thành viên hộ chỉ có ông Trần Hồng T. Cho nên trong trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng quy định, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định Điều 299 Bộ luật dân sự.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ, nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 317, 299 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Trần Hồng T có nghĩa vụ trả Ngân hàng N số tiền 197.173.555 (*Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm năm mươi lăm*) đồng (Gồm: Tiền vốn 160.000.000 đồng, lãi 37.173.555 đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/9/2023, ông Trần Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6909-LAV-202106213 ngày 29/12/2021.

Trong trường hợp ông Trần Hồng T không trả tiền đúng quy định, Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Trần Hồng T phải có nghĩa vụ giao tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01676 ngày 25/11/2013 cấp cho hộ ông Trần Hồng T để thi hành án theo quy định.

Án phí sơ thẩm: Ông Trần Hồng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.858.500 (*Chín triệu tám trăm năm tám nghìn năm trăm*) đồng. Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền 4.659.000 (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0028849 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Thị Kim Chi

Trần Văn Dũng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ngọc Thúy

Đặng Bình Thủy

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tâm

Nguyễn Tấn Đạt

Trần Văn Dũng

